| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **53**/2026/QĐST- HNGĐ | *Điện Biên, ngày 13 tháng 3 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lò Thị T**; Địa chỉ: Bản C, phường T1, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên - Là Nguyên đơn.

- Bị đơn: Ông **Lường Văn N**; Địa chỉ: Bản C, phường T1, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam tại: Phân trại tạm giam Mường Thanh, trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026.

## XÉT THẤY

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Bà Lò Thị T và ông Lường Văn N.

2. Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị T và ông Lường Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lò Thị T và ông Lường Văn N có một con chung là cháu Lường Gia H, sinh ngày 20/11/2010. Giao con chung là cháu H cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi, thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Do bà Lò Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định nên bà T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), nH bà T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000098 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Trả lại cho bà T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Đ
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KT, VP.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký, đóng dấu*

**Trần Thị Thu Trà**